

BÁO CÁO
Cải cách hành chính định kỳ Quý III/2023
và chương trình công tác cải cách hành chính Quý IV/2023

Thực hiện Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về Công tác cải cách hành chính năm 2023; Công văn số 331/SNV-CCHC&TCPCP ngày 10/3/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang về việc hướng dẫn thời gian ban hành các kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ. Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc (Ban Quản lý) báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính (CCHC) Quý III/2023 và chương trình công tác CCHC Quý IV/2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật của lãnh đạo Huyện ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đối với công tác CCHC.

Ban Quản lý tiếp tục quán triệt cụ thể hóa các nội dung chương trình CCHC nhà nước tới công chức, nhân viên cơ quan theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Đồng thời, Ban Quản lý triển khai nghiêm túc, có hiệu quả các văn bản chỉ đạo về công tác cải cách hành chính tại cơ quan: Kế hoạch số 03/KH-BQLKKPQ ngày 05/01/2023 về cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 32/KH-BQLKKPQ ngày 16/02/2023 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các phòng chuyên môn trực thuộc rà soát tiến độ dự án, tình hình giải quyết TTHC tại cơ quan; đánh giá kịp thời tình hình thực hiện kế hoạch công tác của các phòng và triển khai các chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, đảm bảo sự thông suốt trong chỉ đạo, điều hành.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm.

Ban Quản lý ban hành và nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch số 03/KH-BQLKKPQ ngày 05/01/2023, trong đó đề ra 32 nhiệm vụ và đến nay đã triển khai thực hiện được 27 nhiệm vụ chiếm 84% nhiệm vụ kế hoạch đề ra.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC.

Ban Quản lý đã tổ chức tự kiểm tra cải cách hành chính đối với 02 phòng chuyên môn trực thuộc: Phòng Quản lý Đất đai và Xây dựng và Phòng Quản lý Quy hoạch theo Kế hoạch số 32/KH-BQLKKPQ ngày 16/02/2023. Qua kiểm tra, nhìn chung, công tác tiếp nhận, xử lý giải quyết và trả kết quả TTHC được thực hiện có hiệu quả; quy trình giải quyết TTHC được công khai, niêm yết cụ thể, rõ ràng và dễ tiếp cận; công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC luôn được tổ chức thực hiện thường xuyên; phối hợp giữa các phòng chuyên môn và Bộ phận Một cửa nhịp nhàng, đồng bộ; công chức làm việc có tinh thần trách nhiệm cao, không có thái độ những nhieu, quan liêu khi tiếp nhận giải quyết các TTHC cho các tổ

chức, cá nhân; hồ sơ được giải quyết trước hạn, đúng hạn, không để hồ sơ trễ hạn từ đó từng bước nâng cao sự hài lòng và niềm tin của người dân đối với công chức và cơ quan Ban Quản lý. Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong chỉ đạo điều hành và giải quyết TTHC của phòng.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế cần chấn chỉnh, khắc phục. Các phòng chuyên môn đã có những giải pháp khắc phục, chấn chỉnh kịp thời và đề ra phương hướng sắp tới, nhằm từng bước cải thiện xử lý công việc chuyên môn của phòng, nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chung của cơ quan.

Đồng thời, Ban Quản lý thực hiện nghiêm túc về nội dung và thời hạn báo cáo theo đề cương gửi Đoàn Kiểm tra CCHC của tỉnh về kết quả thực hiện công tác kiểm tra CCHC tại Ban Quản lý theo Kế hoạch số 184/KH-ĐKT ngày 19/7/2023 của Đoàn Kiểm tra về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn công chức, nhân viên cơ quan về công tác CCHC năm 2023 theo dung Kế hoạch số 42/KH-BQLKKPQ ngày 07/3/2023 của Ban Quản lý, nhằm nâng cao nhận thức của công chức, nhân viên về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng của công tác CCHC thông qua các cuộc họp giao ban và cuộc họp chi bộ hàng tháng, trên trang thông tin điện tử của Ban, trên nhóm mạng xã hội, treo băng rôn; lồng ghép việc tuyên truyền CCHC với việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Ngoài ra, công chức phụ trách Bộ phận Một cửa cũng trực tiếp thông tin, tuyên truyền những văn bản mới vừa có hiệu lực thi hành lên trang Website cơ quan và cho các cá nhân, tổ chức đến liên hệ công việc biết.

Trong Quý III/2023, thực hiện đăng trên 22 lượt tin, bài và các văn bản tuyên truyền, phổ biến về CCHC, về phổ biến giáo dục pháp luật, về các chủ trương, chính sách, đầu tư, quy hoạch trong Khu kinh tế trên trang điện tử cơ quan.

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao:

Tổng số nhiệm vụ được giao là 18 nhiệm vụ, đã hoàn thành 16 nhiệm vụ còn 02 nhiệm vụ đang triển khai còn trong thời hạn xử lý.

- Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các chế độ báo cáo CCHC theo quy định.

6. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tiếp tục triển khai mô hình : “Khéo vận động công chức và nhân viên nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại đơn vị”.

Đồng thời, cập nhật, theo dõi thường xuyên phần mềm Quản lý dự án Base để kiểm tra, theo dõi tiến độ thực hiện dự án của doanh nghiệp trong Khu kinh tế Phú Quốc.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

- Về kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL).

Ban Quản lý tiếp tục triển khai Kế hoạch số 257/KH-BQLKKTPQ ngày 30/12/2022 về kiểm tra rà soát VBQPPL năm 2023, thực hiện rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung các quy định của pháp luật không rõ ràng, không khả thi, cản trở điều kiện đầu tư kinh doanh, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp. Tham gia góp ý kiến các dự thảo VBQPPL luật sửa đổi và ban hành mới. Trong Quý III/2023, thực hiện góp ý 18 dự thảo văn bản.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật.

Ban Quản lý tiếp tục thực hiện nghiêm Kế hoạch số 20/KH-BQLKKTPQ ngày 07/02/2023 về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023, lồng ghép, phổ biến, quán triệt qui định Luật, các Nghị định và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đến công chức, nhân viên; nâng cao ý thức của công chức và nhân viên trong thực thi pháp luật. Đến thời điểm báo cáo, Ban Quản lý chưa phát hiện công chức, nhân viên có hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, hay những thiếu sót, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Ban Quản lý tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 37/KH-BQLKKTPQ ngày 21/02/2023 về công tác, phổ biến giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở năm 2023. Thực hiện tuyên truyền các Luật và các văn bản hành dưới luật thuộc lĩnh vực nội vụ, pháp luật...trên trang thông tin điện tử cơ quan và nhóm trang mạng xã hội để công chức, nhân viên cơ quan có thể tiếp cận thông tin và thi hành pháp luật theo quy định.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (Số lượng văn bản đã được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật).

Ban Quản lý không được giao nhiệm vụ kiểm tra, rà soát VBQPPL. Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, lãnh đạo Ban chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện công tác tự rà soát các văn bản pháp lý đối với các lĩnh vực quản lý. Đến thời điểm báo cáo, Ban Quản lý không phát hiện VBQPPL nào do UBND tỉnh ban hành có nội dung trái pháp luật về thẩm quyền, sai sót về căn cứ pháp lý, hiệu lực, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Theo Quyết định số 1147/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang gồm 64 TTHC với 11 lĩnh vực

Tổng số TTHC đã được rà soát, thông qua phương án đơn giản hóa: 64 TTHC

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Tổng số TTHC Ban Quản lý đang tiếp nhận gồm 64 TTHC với 11 lĩnh vực, cụ thể: Lĩnh vực Lao động, tiền lương, quan hệ lao động: 01 TTHC; Lĩnh vực việc làm: 01 TTHC; Lĩnh vực lao động nước ngoài: 01 TTHC; Lĩnh vực lưu thông hàng hóa: 06 TTHC; Lĩnh vực thương mại quốc tế: 10 TTHC; Lĩnh vực hoạt động xây dựng: 10 TTHC; Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình: 01 TTHC; Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc: 03 TTHC; Lĩnh vực đất đai: 02 TTHC; Lĩnh vực đấu thầu: 02 TTHC; Lĩnh vực đầu tư: 23 TTHC.

Đồng thời, thực hiện rà soát các thủ tục cắt giảm thời gian giải quyết đối với 07 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo Thông báo số 129/TB-BQLKKTQP ngày 22/8/2023 của Ban Quản lý về việc rút ngắn thời gian giải quyết một số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

Ban Quản lý tổ chức, triển khai có hiệu quả Quyết định số 26/QĐ-BQLKKTQP ngày 31/01/2023 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2023.

100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý được cập nhật niêm yết công khai rõ ràng, minh bạch tại Bộ phận Một cửa, trên website của cơ quan, trang Dịch vụ hành chính công tỉnh, trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Bộ TTHC được niêm yết trên giấy A4 và được treo trên các giá treo đặt tại sảnh cơ quan. Nội dung niêm yết cụ thể: Các qui trình giải quyết công việc, thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, phí, lệ phí theo trình tự và đúng theo qui định hiện hành nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ.

Thực hiện tốt quy chế phối hợp tại Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước trong khu kinh tế giữa Ban Quản lý với các sở, ngành tỉnh, UBND thành phố Phú Quốc đã có nhiều chuyển biến tích cực, có hiệu quả nhất là việc trao đổi thông tin liên quan để giải quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp hoặc kiến nghị của nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án thực hiện đầu tư trong Khu kinh tế Phú Quốc; các hồ sơ TTHC được tiếp nhận, thẩm định, trả kết quả đúng quy trình nội bộ đã phê duyệt. Trong Quý III/2023, Ban Quản lý không có ý kiến, phản ánh về việc thực hiện TTHC của Ban Quản lý.

Kết quả tiếp nhận và giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa Quý III/2023:

+ Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là 238 hồ sơ, trong đó số mới tiếp nhận trong kỳ là 186 hồ sơ (trực tuyến: 56 chiếm 30%, trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích là 130 chiếm 70%) và số chuyển tiếp kỳ trước: 52 hồ sơ

+ Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 215 chiếm 90%, trong đó giải quyết trước hạn: 211, đúng hạn: 4 quá hạn: 0

+ Số lượng hồ sơ đang giải quyết là 23 (còn trong thời hạn thẩm định).

Ban Quản lý đã thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý, trả kết quả theo đúng qui định; công tác thẩm định; xử lý trả kết quả hồ sơ tiếp nhận hoàn thành đúng hạn, trước hạn, không có hồ sơ trễ hạn hay tồn đọng.

- Kết quả giải quyết phản ánh kiến nghị về giải quyết TTHC

Lãnh đạo Ban Quản lý chỉ đạo các phòng chuyên môn tổ chức việc tiếp nhận và tập trung giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của doanh nghiệp kịp thời, đúng quy định (nếu có). Đồng thời, phối hợp cùng Văn phòng UBND tỉnh đã tổ chức đối thoại trực tiếp 01 đợt với 13 doanh nghiệp, nhà đầu tư tham dự.

Trong Quý III/2023, Ban Quản lý không có đơn, thư phản ánh kiến nghị về giải quyết TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

- Ban Quản lý thực hiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và quản lý biên chế đúng theo qui định (Quyết định số 07/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 12/01/2022). Số lượng cấp phó của phòng chuyên môn trực thuộc là 05 người

- Việc bố trí, sắp xếp vị trí việc làm theo đúng đề án vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt (Đề án số 127/ĐA-BQLKKTTPQ ngày 18/11/2019 của Ban Quản lý).

- Ban Quản lý thực hiện về quản lý biên chế đúng theo qui định. Số lượng và tỷ lệ % tinh giản biên chế của Ban Quản lý giai đoạn 2022 đến năm 2026 thực hiện theo Kế hoạch số 102-KH/TU ngày 30/11/2022 của Tỉnh ủy Kiên Giang về tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh giai đoạn 2022-2026, cụ thể:

- Biên chế được giao năm 2022 là 30 biên chế. Năm 2023 -2025 tinh giản: 01 còn 29 biên chế. Năm 2026 tinh giản: 01 còn lại 28 biên chế. Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản giai đoạn 2022-2026 là 6.67% theo Kế hoạch 102-KH/TU ngày 30/11/2022 của Tỉnh ủy Kiên Giang.

+ Tổng số biên chế được giao trong năm 2023: 29

+ Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo: 29

+ Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước (theo Nghị quyết 116/NQ-CP): 05 người

- Việc đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo đúng quy định phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và thực hiện công tác quy hoạch công chức theo Kế hoạch 39/KH-BQLKKTTPQ ngày 18/02/2022 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức năm 2022. Trong Quý III/2023, Ban Quản lý thực hiện điều động, bổ nhiệm đối với lãnh đạo của 02 phòng chuyên (phòng Quản lý Đầu tư và Doanh nghiệp và phòng Quản lý Đất đai và xây dựng).

- Ban Quản lý luôn tạo điều kiện cho công chức tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Các phòng chuyên môn thường xuyên tổ chức tự rà soát kiểm tra, cập nhật về các VBQPPL, rà soát TTHC, về công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao,

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức.

Ban Quản lý thực hiện nghiêm túc Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Ban Quản lý và bố trí công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt phù hợp với các vị trí việc làm của Đề án.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (*thi tuyển, xét tuyển*): Trong Quý III/2023, Ban Quản lý không tuyển dụng công chức.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức:

Trong Quý III/2023, Ban Quản lý không có thực hiện công tác này.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị:

Trong Quý III /2023 , Ban Quản lý không có thực hiện công tác này.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, địa phương:

Ban Quản lý đã tổ chức cuộc kiểm tra đột suất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính thực hiện văn hóa công vụ, công sở tại Ban Quản lý theo Kế hoạch số 32/KH-BQLKKPQ ngày 16/02/2023. Qua kiểm tra, công chức Ban Quản lý luôn chấp hành tốt kỷ cương hành chính, quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của công chức theo quy định; không có hành vi, thái độ xử sự không đúng mực trong thực thi công vụ. Tuy nhiên vẫn còn một vài trường hợp công chức còn thực hiện nghiêm giờ làm việc cơ quan.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

Tiếp tục tạo điều kiện cho 01 đồng chí hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị mở tại Rạch Giá; cử 01 đồng chí tham gia lớp lãnh đạo quản lý cấp sở; 02 đồng chí tham gia lớp tập huấn kiến thức nghiệp vụ về cải cách hành chính; cử 02 đồng chí tham gia lớp huấn kiến thức nghiệp vụ về chuyển đổi số; 05 đồng chí tham gia tập huấn về thực hiện TTHC của Đề án 06 về đào tạo trực tuyến MOOC.

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở cơ quan, đơn vị, địa phương: Ban Quản lý không có thực hiện công tác này.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại cơ quan, đơn vị, địa phương

Trong năm 2023, Ban Quản lý không được UBND tỉnh giao vốn đầu tư công.

- Về tình hình thực hiện công khai ngân sách.

Ban Quản lý thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai ngân sách theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính. Tổ chức công khai tình hình thực hiện dự toán theo quy định.

- Về tình hình thực hiện cơ chế tự chủ.

+ Thực hiện cơ chế tự chủ đúng theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 sửa đổi một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; tăng cường tính minh bạch và quyền giám sát của mỗi công chức; theo dõi, quản lý chặt chẽ việc sử dụng và tiết kiệm tối đa kinh phí được cấp hằng năm và tài sản của cơ quan.

+ Ban hành và triển khai nghiêm túc Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 (Quyết định số 26/QĐ-BQLKKTPQ ngày 31/01/2023 của Ban Quản lý), thực hiện đúng quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách đảm bảo chi tiêu tiết kiệm, hiệu quả.

+ Triển khai thực hiện nghiêm Công văn số 6108/VP-KT ngày 03/8/2023 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ cấp xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP; thực hiện áp dụng chi mức lương tối thiểu mới cho công chức, nhân viên cơ quan kể từ ngày 01/7/2023.

- Về tình hình thực hiện quản lý và sử dụng tài sản công.

Thực hiện nghiêm Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công Quyết định số 81/QĐ-BQLKKTPQ ngày 24/4/2020; Kế hoạch số 25/KH-BQLKKTPQ ngày 10/02/2023 về mua sắm tài sản và thiết bị năm 2023.

- Hàng tháng tiến hành kiểm tra định kỳ sổ quỹ, thu, chi tài chính vào ngày cuối cùng của tháng theo quy định

- Thực hiện công khai minh bạch theo đúng quy định tại bản công khai đặt ở sảnh cơ quan, tại thư mục “Công khai ngân sách” trên Trang thông tin điện tử cơ quan.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch số 19/KH-BQLKKTPQ ngày 29/01/2021 về chuyển đổi số của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030, nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao năng suất làm việc của công chức và nhân viên; đổi mới tư duy và hành

động sáng tạo; đổi mới lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại, trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động cơ quan; tạo được thuận lợi trong việc góp phần giải quyết nhanh TTHC cho tổ chức, cá nhân.

Triển khai có hiệu quả Quyết định số 26/QĐ-BQLKKTQP ngày 31/01/2023 về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2023, phối hợp triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tích hợp dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, cũng như số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên 70% theo chỉ đạo UBND tỉnh.

100% bộ TTHC được cập nhật trên Cổng Dịch vụ công và trang thông tin điện tử của Ban.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng nội bộ mạng LAN (internet VNPT) để kết nối, chia sẻ dữ liệu và trao đổi công việc giữa các phòng thuộc Ban. Áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Ban Quản lý và đã thực hiện tốt các nội dung theo quy định; thường xuyên rà soát, cập nhật các danh mục TTHC thuộc thẩm quyền Ban Quản lý theo Kế hoạch 76/KH-BQLKKTQP ngày 14/4/2023 của Ban Quản lý

Ban Quản lý thực hiện chỉ đạo, điều hành công việc thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; sử dụng chữ ký số 100% văn bản phát hành trên trang Dịch vụ công; tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy là 30%. 25/25 tài khoản mail công vụ được công chức sử dụng trao đổi trong công việc.

- Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính điện tử; đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ nộp trực tuyến trên trang dichvucong.kiengiang.gov.vn; thường xuyên kiểm tra, giám sát chuyên mục: “Trả lời ý kiến công dân” trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý, trên trang Cổng Dịch vụ công tỉnh Kiên Giang và hòm thư góp ý của cơ quan.

Trong Quý III/2023, Ban Quản lý không có tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, câu hỏi của người dân và doanh nghiệp về giải quyết TTHC.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình và toàn trình một phần.

+ Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình một phần: 64 TTHC

+ Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình: 0 TTHC

+ Tỷ lệ DVCTT mức độ toàn trình một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 30% (17/64 TTHC), số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ toàn trình một phần: 56 hồ sơ

+ Tỷ lệ DVCTT mức độ toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến: 0% (0/64 TTHC), số lượng hồ sơ trực tuyến mức độ toàn trình: 0 hồ sơ.

+ Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến mức độ toàn trình và toàn trình một phần được giải quyết so với tổng số lượng hồ sơ tiếp nhận của cơ quan: 30%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Lãnh đạo Ban Quản lý luôn quan tâm chỉ đạo, quán triệt thường xuyên công tác CCHC thông qua các cuộc họp cơ quan, nâng cao tinh thần trách nhiệm của công chức, nhân viên trong quá trình thực thi công vụ; chỉ đạo các phòng chuyên môn trực thuộc đề xuất sáng kiến cải cách TTHC; ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng quy trình giải quyết TTHC nội bộ nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục và giảm chi phí cho cá nhân, tổ chức; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình và toàn trình một phần; khuyến khích sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến toàn trình và toàn trình một phần cho một số lĩnh vực như lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, đấu thầu còn thấp do hồ sơ của các lĩnh vực này có kèm theo nhiều bản vẽ Ao nên không thể thực hiện việc nhận hồ sơ trên hệ thống Một cửa điện tử. Bên cạnh đó, công chức Bộ phận Một cửa nhiệt tình hướng dẫn tổ chức và công dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tuy nhiên tổ chức và cá nhân vẫn đến nộp hồ sơ trực tiếp tại Ban Quản lý do người dân còn e ngại, chưa quen với việc nộp hồ sơ trên môi trường mạng, từ đó làm ảnh hưởng đến tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến chưa cao.

Trong công tác chỉ đạo, điều hành giải quyết thủ tục hành chính đôi lúc còn vướng mắc vì phải chờ xin ý kiến của các sở, ngành liên quan hoặc chờ ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2023

1. Triển khai quán triệt các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 12/01/2022 của Tỉnh ủy Kiên Giang về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ 5 năm giai đoạn 2021-2025

2. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo chỉ đạo của tỉnh; rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC đối với TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý.

3. Đẩy mạnh thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích, tăng cường tuyên truyền việc thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình và toàn trình một phần.

4. Tập trung giải quyết hồ sơ trước hạn, đúng hạn, không có hồ sơ trễ hạn; nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật cũng như tinh thần, thái độ phục vụ tổ chức, công dân của công chức cơ quan.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động và trong giải quyết TTHC của Ban Quản lý; thường xuyên cập nhật thông tin và nâng cao chất lượng Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị các cơ quan cấp tỉnh tiếp tục mở các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn trong việc thực hiện công tác CCHC, chuyển đổi số và kỹ năng giao tiếp, đối thoại với công dân đối với công chức Bộ phận Một cửa nhằm nâng cao trình độ phục vụ cho quá trình thực thi nhiệm vụ.

Trên đây là nội dung báo cáo công tác CCHC định kỳ Quý III/2023 và phương hướng nhiệm vụ CCHC Quý IV/2023, Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc báo cáo Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang tổng hợp./.

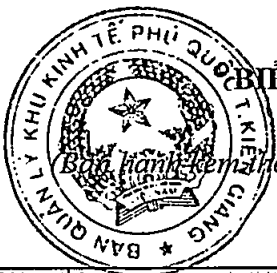
Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VP;Dtsu.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Võ Công Sơn



Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Quý III năm 2023

Ban hành kèm theo Báo cáo số: 201 /BQLKKT PQ ngày 14/9/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc)

Biểu mẫu 6

Cải cách tài chính công

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, bán ngành tính và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	Trong năm 2023, Ban Quản lý không được bố trí giải ngân vốn đầu tư công
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		0		BQL KKT PQ không có ĐVSNCL
2.1.	Tổng số ĐVSNCLL trên địa bàn tỉnh	Đơn vị	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.4.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

2.4.1.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Đơn vị	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.4.2.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Đơn vị	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.4.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Đơn vị	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.5.	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Đơn vị	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.6.	Số ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (<i>lũy kế đến thời điểm báo cáo</i>)	Đơn vị	0	Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	



Phụ lục

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Quý III năm 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 201 /BQLKKTQP ngày 14/9/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc)

Biểu mẫu 5

Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thông kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thông kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức				
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức				
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lấy kể từ đầu năm)	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0		
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
4.2.	Số lãnh đạo sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSNCL bị kỷ luật.	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	



Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Quý III năm 2023

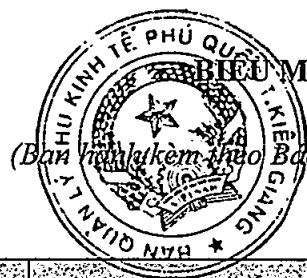
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 201 /BQLKKTPO ngày 14/9/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc)

Biểu mẫu 3

Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Thống kê TTHC				
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	64	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	64	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan	Thủ tục	64	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		0		
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.	Kết quả giải quyết TTHC				
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của sở, ban, ngành tỉnh	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	215	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của sở, ban, ngành tỉnh	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	215	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của sở, ban, ngành tỉnh	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND các huyện, thành phố tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp huyện	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp huyện	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp huyện	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp xã	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp xã	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu tổng của UBND cấp xã	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	



Phụ lục

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Quý III năm 2023

(Ban quản lý kèm theo Báo cáo số: 201 /BQLKKTPQ ngày 12/9/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc)

Biểu mẫu 2

Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thông kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý 6 tháng năm)	Kết quả thông kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	0	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	Ban Quản lý không được giao nhiệm vụ này
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	0	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	0		
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0		
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL		0		Ban Quản lý không được giao nhiệm vụ này
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.	Rà soát VBQPPL		0		
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

Phụ lục

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Quý III năm 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 201 /BQLKKTPO ngày 14/9/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thông kê (Sử dụng trong lý báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thông kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	2	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (lấy kể đến thời điểm báo cáo)	%	84.375	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	32	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	27	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.	Kiểm tra CCHC				
3.1.	Số sở, ban, ngành đã kiểm tra	Phòng chuyên môn	2	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	



3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)		0		
4.1.	Số cơ quan, đơn vị, địa phương được thanh tra	%		Sở Nội vụ (Thanh tra Sở) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		Sở Nội vụ (Thanh tra Sở) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao		0		
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	18	Văn phòng UBND tỉnh báo cáo số nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh	
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	16	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh đã hoàn thành đúng hạn	
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh đã hoàn thành nhưng quá hạn	
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh đã quá hạn nhưng chưa hoàn thành	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1 Không = 0	1	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	15	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.2.	Hình thức khảo sát	Phát phiếu khảo sát	Phiếu khảo sát	Sở Nội vụ (Phòng CCHC&TCPCP) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch	



Phụ lục
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
Quý III năm 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 201 /BQLKKTPQ ngày 14/9/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc)

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	Sở Thông tin và Truyền thông	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	Sở Thông tin và Truyền thông	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử				
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã				
5.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	



5.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.1.3.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử trên địa bàn tỉnh (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành tỉnh	%	100	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND các huyện, thành phố	%	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	0	Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh				
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	0	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	0	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến				
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100.00	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	64	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	64	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	17	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	0.00	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	0	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	0	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia	%	100	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh	Thủ tục	64	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	64	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (<i>chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ</i>)	%	30.11	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	186	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	56	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	3.13	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	17	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
6.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	2	Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Quý III năm 2023

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 281 /BQLKKTPO ngày 14/9/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc)

Biểu mẫu 4

Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy				
1.1.	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.2.	Tỷ lệ UBND các huyện, thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	UBND cấp huyện báo cáo số liệu tại địa phương	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.3.	Số ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh	Ban	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.4.	Số lượng tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	BQL KKT PQ không có ĐVSNCL
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND các huyện, thành phố	Cơ quan, đơn vị	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	



1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.	Số liệu về biên chế công chức				
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	29	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	29	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính	Người	5	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản giai đoạn 2022-2026	%	6.67	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	Tỷ lệ biên chế BQL KKT PQ giai đoạn 2022-2026 theo Kế hoạch 102-KH/TU ngày 30/11/2022 của Tỉnh ủy Kiên Giang
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập		0		Ban Quản Khu kinh tế Phú Quốc không có công chức làm việc hưởng lương từ NSNN dành cho đơn vị sự nghiệp công lập
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	Sở Nội vụ (Phòng TCCCVC) tổng hợp, báo cáo số liệu trên địa bàn tỉnh	

